

Phẩm 17: TỨ ĐẾ

Nếu người được nghe nghĩa lý pháp của Phật, thì sẽ biết rõ ràng về bốn đế: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Khổ đế là nói ba cõi. Cõi Dục từ địa ngục A-tỳ đến cõi Tha hóa tự tại. Cõi Sắc từ cõi Phạm thế đến cõi trời A-ca-ni-tra. Cõi Vô sắc là bốn cõi Vô sắc. Lại có bốn Thức xứ là: Sắc, thọ, tưởng, hành. Các ngoại đạo cho rằng, thức nương nơi thân mà tồn tại, cho nên Phật phải dạy: Thức nương vào bốn chỗ kia (Sắc, thọ, tưởng, hành). Lại có bốn loài: Noãn sinh, Thai sinh, Thấp sinh và Hóa sinh. Tất cả trời và địa ngục đều hóa sinh. Ngạ quỷ gồm hai thứ thai sinh và hóa sinh; ngoài ra thì có đủ bốn thứ. Lại có bốn thực: Đoàn thực thì hoặc thô hoặc tế. Nếu ăn cơm thì gọi là thô, nếu dùng sữa, dầu, mùi hương và các thức ăn khác thì gọi là tế. Xúc thực là lạnh, nóng, gió... Ý tứ thực là hoặc có người nhờ tư duy mà được sống. Thức thực là thân Trung ấm địa ngục, chúng sinh, không có sắc thân; những vị nhập vào định diệt tận, tuy thức không hiện, mà thức vẫn tồn tại, nên gọi là thức thực.

Lại có sáu đường: Tội trên hết là địa ngục. Tội vừa là súc sinh. Tội ít là ngạ quỷ. Cõi thiện trên hết là trời. Cõi thiện vừa là người, cõi thiện ít là A-tu-la.

Lại có sáu thứ: Địa, thủy, hỏa, phong, không, thức. Bốn đại chủng vây quanh không, có thức ở trong đó gọi là người.

Lại có sáu xúc nhập: Sáu căn như mắt v.v... cùng hòa hợp với thức, gọi là xúc nhập.

Lại có bảy thức xứ: Ở trong các chỗ này, vì sức điên đảo, nên thức tham vui mà trú ở đó.

Lại nữa, thế gian có tám pháp là: Lợi, suy, xưng tụng, chê gièm, hủy phục, khen tặng, khổ và vui. Người ở thế gian, chắc chắn chịu các thứ này, nên gọi là pháp thế gian. Có chín chỗ ở của chúng sinh do sức điên đảo nên ở trong đó. Lại có năm món để phân biệt các pháp là: Năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, hai mươi hai căn. Năm ấm là: Nhãn sắc là sắc ấm, nương vào đất mà sinh thức có khả năng chấp giữ sắc ở trước, gọi là Thức ấm, tức thời tâm sinh các tướng về nam, nữ, kẻ oán, người thân... đều gọi là Tưởng ấm. Nếu biết rõ, trong những người đó, đâu là kẻ oán hay người thân, rồi sinh khởi ba thứ cảm thọ, thì gọi là thọ ấm. Trong ba thứ thọ này, lại phát sinh phiền não, nên gọi là Hành ấm. Do việc này, mà sinh khởi nhân duyên thọ thân, gọi là năm thọ ấm. Do bốn duyên thức mới sinh khởi được, đó

là: Nhân duyên, Thứ đệ duyên, Duyên duyên và Tăng thượng duyên. Do nghiệp làm nhân duyên, nên thức làm thứ đệ duyên. Do thức thứ lớp sinh thức, nên sắc làm duyên duyên, nhãn làm Tăng thượng duyên. Trong đấy thức từ hai nhân duyên mà sinh khởi. Cái gọi là nhãn sắc, cho đến ý pháp, gọi là mười hai nhập. Trong đấy, thêm thức, gọi là mười tám giới. Nghĩa là nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới... Các pháp ấm v.v... làm sao sinh được? Ở trong mười hai thời, nên gọi là mười hai nhân duyên. Trong đó, vô minh là phiền não, hành là nghiệp. Bởi hai nhân này, thức lớp sinh thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ; hai pháp ái, thủ gọi là phiền não, còn hữu gọi là nghiệp. Trong đời vị lai, lúc mới thọ thân thức gọi là Sinh, ngoài ra gọi là Lão tử. Mười hai nhân duyên đó biểu thị có quá khứ, hiện tại và vị lai. Chỉ vì các duyên sinh khởi, nên không có ngã, với. Lại vì sinh tử qua lại, rồi trở về diệt nên nói có hai mươi hai thiện căn. Tất cả chúng sinh, lúc ban đầu thọ thân lấy thức làm nguồn gốc. Thức này có sáu loại từ nhãn... mà sinh khởi, nên gọi là sáu căn. Nghĩa là từ nhãn căn đến ý căn, có khả năng sinh sáu thức, nên gọi là sáu căn. Có thể phân biệt tướng nam, nữ nên gọi là căn nam nữ. Có người cho rằng phần ít là thân căn. Sáu căn này hoặc gọi là sáu nhập. Do sáu thứ này, sinh ra sáu thứ thức, nên gọi là thọ mạng. Vì sao? Vì sáu nhập, sáu thức này, được tương tục sinh khởi, nên gọi là thọ mạng. Nếu đoạn trừ sự tương tục thì gọi là chết. Vì vậy, đây gọi là mạng căn. Ở trong đấy cái gì làm căn? Đó là nghiệp. Vì do nghiệp, nên sáu nhập và sáu thức được tương tục sinh khởi. Trong mạng sống này nghiệp gọi là mạng căn. Nghiệp này từ các cảm thọ mà sinh ra. Các thọ tức là năm căn của vui v.v.... Do năm căn phát sinh tham ái tất cả phiền não và nghiệp của thân, miệng. Do nhân duyên nghiệp này trở lại thọ nhận sinh tử, đó là pháp cấu uế, khiến nhân duyên sinh tử cứ tương tục mãi. Vậy thì do nhân duyên gì sinh pháp thanh tịnh? Chắc chắn là nhờ Tín v.v... Bốn pháp nhân duyên là tín v.v... thành tuệ. Tuệ có ba thời là: Chưa biết, muốn biết và đã biết. Khi tu tập hay làm việc gì, căn này đều là trí tuệ sai biệt. Đức Phật vì sinh tử mà qua lại hoàn diệt cấu tịnh, nên nói có hai mươi hai căn. Các pháp như vậy đều thấu nhiếp trong Khổ đế. Người nào biết được các pháp này, thì gọi là khéo biết về Khổ đế. Tập đế là nghiệp và phiền não. Nghiệp thì trong phẩm Nghiệp sẽ trình bày. Phiền não cũng sang phẩm Phiền não sẽ nói rõ. Các nghiệp phiền não là nhân duyên để thọ thân sau, nên gọi là Tập đế. Diệt đế sẽ sang phần Diệt đế sau sẽ nói. Nghĩa là tâm giả danh, tâm pháp, và tâm “không”, diệt ba tâm này, gọi là Diệt đế. Đạo đế là

ba mươi bảy pháp trợ Bồ-đề, đó là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần và Tám Thánh đạo.

Bốn niệm xứ là thân, thọ, tâm, pháp. Chí tâm an niệm và từ niệm đó mà sinh tuệ, quán thân vô thường... rồi an trú trong cảnh duyên, gọi là Thân niệm xứ. Do niệm và tuệ dần dần tăng thêm nên có thể phân biệt cảm thọ, gọi là Thọ niệm xứ. Thanh tịnh càng tăng có khả năng phân biệt tâm, gọi là Tâm niệm xứ. Thường dùng chánh hạnh để phân biệt các pháp gọi là Pháp niệm xứ.

Bốn chánh cần là đối với pháp ác bất thiện đã sinh, thấynó là tội lỗi, vì muốn dứt bỏ, nên siêng năng tinh tấn, đoạn mọi phương tiện gọi là tri kiến. Do pháp ác bất thiện chưa sinh, vì muốn nó không sinh, nên siêng năng tinh tấn tu tập, không cho phương tiện phát sinh, gọi là tri kiến. Do pháp thiện chưa sinh, vì muốn nó phát sinh, nên siêng năng tinh tấn để phát sinh phương tiện, gọi là tri kiến. Do pháp thiện đã sinh, vì muốn làm cho nó tăng trưởng, nên siêng năng tinh tấn, nhờ năng lực phương tiện thứ lớp từ cao, vừa và thấp mà không bị thoái lui.

Bốn như ý túc, là muốn thành tựu Tam muội diệu hạnh, nên tu như ý túc.

Do muốn sinh Tam muội nên gọi là Tam-muội dục. Muốn các pháp vi diệu như tinh tấn, hỷ, tín, ức niệm, an, tuệ, tư, xả v.v... cùng thành, gọi là diệu hạnh thành tựu, do công đức tăng trưởng, nên gọi là như ý túc. Vì muốn tăng trưởng nên gọi là tinh tấn, ấy gọi là thứ hai. Hành giả có muốn, có tinh tấn, nên tu tập định tuệ, được tâm Tam muội gọi là định. Tư duy Tam muội gọi là tuệ.

Năm căn là nghe pháp, phát khởi niềm tin, gọi là Tín căn, đã có lòng tin, để đoạn dứt pháp cấu uế, chứng đạt pháp thanh tịnh, nên siêng năng phát tâm tinh tấn, gọi là Tinh tấn căn. Tu tập bốn niệm xứ gọi là Niệm căn. Nhờ niệm căn mà thành tựu Tam muội, gọi là Định căn. Do định, sinh khởi tuệ, gọi là Tuệ căn. Khi năm căn tăng trưởng, thì có năng lực, nên gọi là năm lực.

Tám Thánh đạo là nhờ lắng nghe mà phát sinh tuệ, khiến có thể tin năm ấm, là vô thường, khổ... gọi là Chánh kiến. Tuệ ấy hoặc từ suy nghĩ sinh khởi, gọi là Chánh tư duy, dùng Chánh tư duy dứt trừ các pháp bất thiện, tu tập các pháp thiện, thực hành tinh tấn gọi là Chánh tín tinh tấn. Từ đây dần dần xuất gia, thọ giới pháp, đạt ba đạo phần là Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Nhờ chánh giới này dần dần thành niệm xứ và các thứ thiền định. Do niệm định này mà đạt được trí như thật, gọi là tám Thánh đạo. Theo thứ lớp là như vậy. Lại nữa, trong

tám Thánh đạo, Giới đứng đầu. Sao vậy? Vì Giới phẩm, Định, Tuệ theo nghĩa thứ lớp, nên Nhớ nghĩ chân chánh, Chánh định gọi là Định phẩm. Tinh tấn thường hiện hành khắp tất cả loại. Tuệ phẩm gần đạo, nên nói ở sau. Tuệ có hai loại: thô và diệu. Thô là Văn tuệ, Tư tuệ, gọi là Chánh tư duy. Diệu là Tu tuệ, tức nhập vào các pháp Noãn v.v.... có thể phá trừ các pháp giả danh và năm ấm, đó gọi là Chánh kiến. Nhờ Chánh kiến này mà thấy năm ấm diệt, gọi là mới vào đạo. Từ đây tuần tự đạt được bảy Bồ-đề phần. Niệm Bồ-đề phần là nếu người tu học mất niệm, tức phát sinh phiền não, nên phải trói buộc niệm trong chỗ thiện. Từ lúc đầu niệm được trói buộc đến sau; mọi chánh kiến đạt được trong ấy, gọi là Trạch pháp. Không từ bỏ trạch pháp, nên gọi là Tinh tấn. Khi thực hành tinh tấn, phiền não giảm dần, tâm sinh vui mừng, gọi là Hỷ. Do tâm hỷ nên thân được khinh an, gọi là Ý. Khi thân khinh an, thì được an vui nên tâm định. Định này khó đạt, nên gọi là định kim cang. Được quả mà không dính mắc, dứt trừ các buồn vui, gọi là Xả. Đây gọi là Thượng hạnh, chẳng chìm đắm, chẳng dấy khởi, tâm luôn bình đẳng, nên gọi là Xả. Bồ-đề gọi là trí tuệ vô học. Tu học bảy pháp này, thì chứng đắc Bồ-đề, gọi là Bồ-đề phần. Tu tập ba mươi bảy phẩm này, thì chứng đạt bốn quả Sa-môn. Quả vị Tu-đà-hoàn là thông đạt “không”, dùng trí “không” này để trừ bỏ ba kết sử. Quả vị Tư-đà-hàm là cũng tu tập theo con đường này, có thể làm mỏng phiền não trong cõi Dục, còn tới hai lần tái sinh. Quả vị A-na-hàm là đoạn trừ tất cả mọi phiền não trong cõi Dục. Quả vị A-la-hán là dứt sạch mọi phiền não. Nếu tu tập theo luận giáo pháp này của Phật thì có thể thấu đạt bốn Đấng, chứng bốn quả Sa-môn. Vì thế cần tu tập luận chân chính này.

Phẩm 18: PHÁP TỰ

Người học tập luận này, tức có thể thấu đạt, biết rõ về các nhóm pháp. Do thông suốt thấu hiểu, nên các luận tà kiến của ngoại đạo không chế phục được họ, lại còn nhanh chóng diệt trừ các phiền não nên tự mình xa lìa khổ não và còn cứu độ được người khác. Có khả năng biết các nhóm pháp, nghĩa là pháp có thể biết pháp có thể nhận thức phân biệt, pháp sắc pháp vô sắc; pháp có thể thấy, pháp không thể thấy; pháp có đối pháp, vô đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu; pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp tâm, pháp chẳng phải tâm; pháp tâm số, pháp chẳng tâm số; pháp tâm tương ứng, pháp tâm không tương ứng, pháp tâm cộng hữu, pháp tâm không cộng hữu, pháp tùy tâm hành, pháp không tùy tâm hành, pháp nội, pháp ngoại; pháp thô, pháp tế, pháp thượng, pháp hạ; pháp gần, pháp xa; pháp thọ, pháp chẳng phải thọ, pháp xuất, pháp chẳng phải xuất, pháp cùng phạm phu, pháp không cùng phạm phu, pháp thứ tự, pháp chẳng thứ tự, pháp có thứ lớp, pháp không có thứ lớp... Đó là các pháp đi theo cặp. Lại có nhóm ba pháp như pháp sắc, pháp tâm và pháp tâm bất tương ứng; pháp quá khứ, pháp vị lai và pháp hiện tại; pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký; pháp học, pháp vô học và pháp phi học phi vô học; pháp kiến đế đoạn, pháp tư duy đoạn và pháp không đoạn... Đó là nhóm ba pháp. Lại có nhóm bốn pháp như: Pháp trói buộc cõi Dục, pháp trói buộc cõi Sắc, pháp trói buộc cõi Vô sắc, pháp không trói buộc. Lại có bốn đạo: Đạo Khổ khó tu, Đạo khổ dễ tu, Đạo vui khó tu, Đạo vui dễ tu. Lại có bốn vị: Vị xuất, vị ly, vị tịch diệt, vị chánh trí. Lại có bốn pháp chứng: Pháp thân chứng, Pháp niệm chứng, Pháp nhãn chứng, Pháp tuệ chứng. Bốn thọ thân, bốn vào thai, bốn duyên, bốn tìn, bốn Thánh chủng. Bốn ác hạnh. Đây là nhóm gồm bốn pháp. Năm ấm, sáu chủng, sáu nội nhập, sáu ngoại nhập, sáu sinh tính, sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành, sáu diệu hạnh, bảy tịnh, tám phước sinh, chín thứ lớp diệt, mười thánh xứ, mười hai nhơn duyên, có thể biết rằng, các nhóm pháp như vậy là vô lượng vô biên, không thể kể hết. Nay, tôi lược nêu ra, những điểm chính của những nhóm pháp trên thôi.

Pháp có thể biết là Đệ nhất nghĩa đế. Pháp có thể nhận thức phân biệt là Thế đế. Pháp sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Pháp vô sắc là tâm và pháp vô tác. Pháp có thể thấy là sắc nhập. Pháp có đối là sắc pháp. Pháp hữu lậu là pháp có thể sinh ra các lậu, như chẳng phải tâm trong pháp giả danh A-la-hán. Trái với việc trên, gọi là pháp vô lậu.

Pháp hữu vi là do các duyên sinh khởi tức năm ấm. Pháp vô vi là khi năm ấm đã diệt trừ sạch. Tâm pháp là năng duyên. Tâm số pháp là thức nhận được duyên, tức thứ lớp mà sinh các tướng. Pháp tâm tương ứng là thức nhận biết được duyên theo thứ lớp, chắc chắn sinh khởi như tướng vậy. Pháp tâm cộng hữu là pháp và tâm cùng nhau mà có; như sắc, tâm, bất tương ứng hành vậy. Pháp tùy tâm hành là, nếu pháp có tâm thì sinh, không tâm thì không sinh, như thân, miệng không tạo nghiệp. Pháp nội là sáu nhập bên trong của thân thể. Pháp thô tế là tướng đối đãi với nhau mà có, như quán năm đục, thì sắc, định là tế; quán định vô sắc, thì sắc định là thô. Pháp thượng hạ thì cũng như vậy. Pháp gần xa là hoặc khác phương nên xa, hoặc chẳng tương tự nên xa. Pháp thọ là từ thân mà sinh ra pháp. Pháp xuất là pháp thiện. Pháp cộng phạm phu là pháp hữu lậu. Pháp thứ tự là từ cái khác theo thứ lớp mà sinh ra vậy. Pháp có thứ lớp là có thể sinh ra thứ lớp vậy. Pháp sắc là năm pháp như sắc v.v... Pháp tâm là như trên đã nói. Pháp tâm bất tương ứng hành là nghiệp vô tác. Pháp quá khứ là pháp đã diệt. Pháp vị lai là pháp sẽ sinh. Pháp hiện tại là pháp đang sinh chưa diệt. Pháp thiện là vì lợi ích cho người khác và trí chơn thật. Trái với pháp này là pháp bất thiện. Trái với hai pháp trên là pháp vô ký. Pháp học là pháp của người học tâm vô lậu. Pháp vô học là pháp của bậc vô học ở đệ nhất nghĩa tâm. Ngoài ra, còn gọi là chẳng phải học, chẳng phải vô học. Pháp kiến đế đoạn là bậc Tu-đà-hoàn đã đoạn trừ ngã mạn hiện tướng và từ đây sinh khởi pháp vậy. Pháp tư duy đoạn là bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm đã đoạn trừ ngã mạn không hiện tướng, từ đây sinh khởi pháp. Pháp không đoạn là vô lậu. Pháp trói buộc cõi Dục là pháp bị quả báo trong địa ngục A-tỳ, cho đến cõi trời Tha hóa tự tại. Pháp trói buộc cõi Sắc là từ cõi Phạm thế, đến cõi trời A-ca-ni-tra. Pháp trói buộc cõi Vô sắc là bốn cõi Vô sắc. Pháp không trói buộc là pháp vô lậu. Đạo khổ khó tu là kẻ độn căn được định để tu đạo. Đạo khổ dễ tu là bậc lợi căn được định để tu đạo. Đạo vui khó tu là kẻ độn căn được tuệ để tu đạo. Đạo vui dễ tu là bậc lợi căn được tuệ để tu đạo. Vị xuất là xuất gia cầu đạo vậy. Vị ly thân tâm xa lìa. Vị tịch diệt là chứng đắc thiền định. Vị chánh trí là thông đạt Tứ đế. Pháp niệm chứng là bốn niệm xứ. Do bốn niệm xứ này mà phát sinh bốn thiền định, gọi là thân chứng, nhờ bốn thiền mà phát sinh ba minh gọi là nhãn chứng. Do thông đạt bốn đế gọi là tuệ chứng. Bốn thọ thân: Có thể tự hại mình mà người khác không hại được; có bị người khác hại mà không thể tự hại; có khả năng tự hại và người khác cũng hại được; không tự hại mình và người khác cũng không hại được. Bốn nhập thai

là có người không tự nhớ vào thai cũng không tự nhớ trú thai, xuất thai; có người tự nhớ vào thai nhưng không tự nhớ trú thai xuất thai; có người tự nhớ vào thai, trú thai mà không tự nhớ xuất thai; có người tự nhớ vào thai, trú thai, xuất thai; nhưng do tâm điên đảo, tán loạn, nên không tự nhớ; nếu tâm chân chánh, không loạn động, thì có thể tự nhớ.

Bốn duyên: Duyên nhân: là nhân sanh, nhân tập và nhân nương tựa. Nhân sanh là khi pháp sinh, có thể cùng làm nhân, như nghiệp làm nhân cho quả báo. Nhân tập là như huân tập tham dục, làm cho tham dục càng lớn mạnh. Nhân nương tựa là như tâm, tâm số (sở) pháp, nương theo các pháp sắc, hương v.v... Đó gọi là Duyên nhân. Duyên Thứ đệ duyên là như vì pháp tâm trước diệt, nên tâm sau mới theo thứ lớp sinh ra. Duyên duyên là nếu từ duyên sinh pháp, thì như sắc có thể sinh nhãn thức. Duyên tăng thượng là khi pháp sinh thì có các duyên khác hỗ trợ.

Tin Phật thì được trí chơn thật, phát sinh tâm tin thanh tịnh đối với Phật và biết chắc chắn rằng, Đức Phật là bậc tôn kính của chúng sinh. Tin chơn trí này tức là tin pháp. Người được trí này là người bậc nhất trong tất cả chúng sinh. Đây gọi là tin Tăng. Được các bậc Thánh yêu quý. Tin Giới tức là đem lòng tin sâu xa, không gây tạo các nghiệp bất thiện, biết rằng mình nhờ giới này mà có đức tin Tam bảo; vì tin năng lực của giới, nên gọi là tín giới.

Vì bốn Thánh chủng nên không bị sự ưa thích y phục làm ô nhiễm, không bị sự uống ăn, chỗ nằm ngồi... sự ưa thích của thân làm ô nhiễm, nên gọi là bốn Thánh chủng. Bốn ác hành là vì tham lam, vì sân giận, vì sợ hãi, vì mê mờ nên bị rơi vào đường ác.

Năm ấm: Sắc ấm là năm pháp như sắc v.v... Thọ ấm là năng duyên pháp. Tưởng ấm là hay phân biệt pháp giả danh. Hành ấm là pháp năng sinh thân sau. Thức ấm là chỉ biết pháp trần.

Sáu chủng: Địa chủng là sự hòa hợp của sắc, hương, vị, xúc, vì tướng cứng nhiều, nên gọi là địa chủng. Tướng ẩm ướt nhiều gọi là thủy chủng. Tướng nóng nhiều gọi là hỏa chủng. Tướng nhẹ nhiều gọi là phong chủng. Không có sắc tướng gọi là “không” chủng. Năng duyên với pháp nên gọi là Thức chủng.

Sáu nội nhập: Nhãn nhập là do bốn đại hòa hợp, với chỗ nương tựa ưu cho nhãn thức, gọi là nhãn nhập. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, nhập cũng như vậy. Ý nhập là tâm. Sắc nhập là pháp sở duyên của nhãn thức. Thanh, hương, vị, xúc pháp nhập cũng như vậy. Sáu sinh tính là người tánh tâm tối, thì luôn huân tập pháp tối tăm, nhưng cũng huân tập cả pháp (trong sạch) trắng và pháp trắng đen. Người tánh trong sạch, cũng đều như

vậy. Sáu hỷ hành là dựa vào lòng tham. Sáu ưu hành là dựa vào tâm sân giận. Sáu xả hành là dựa vào tâm si mê. Sáu diệu hạnh là trí tuệ thật. Bảy tịnh giới: Tịnh là giới luật nghi. Tâm tịnh là đạt thiền định. Kiến tịnh là đoạn trừ thân kiến. Độ nghi tịnh là đoạn hết kết sử nghi ngờ. Đạo phi đạo tri kiến tịnh là dứt trừ giới thủ. Hành tri kiến tịnh là, đạo của tư duy. Hành đoạn tri kiến tịnh là đạo của vô học đạo.

Tám phước sinh là giàu sang trong loài người cho đến cõi Phạm thế. Tám thứ này, được phước báo an vui nhiều nhất, nên nói là tám phước. Chín thứ đệ diệt là vào được thiền thứ nhất diệt trừ ngôn ngữ, vào thiền thứ hai diệt được giác quán; vào thiền thứ ba, diệt trừ được hỷ; vào thiền thứ tư, diệt được hơi thở ra vào. Hư không xứ diệt tướng sắc, Thức xứ diệt vô biên tướng hư không; Vô sở hữu xứ diệt tướng vô biên thức; Phi tướng phi phi tướng xứ diệt tướng vô sở hữu và nhập vào định diệt tận, diệt thọ và tưởng. Mười Thánh xứ là bậc Thánh nhân trừ bỏ năm pháp, thành tựu sáu pháp, giữ gìn một pháp, nương bốn pháp, diệt trừ để giả dối, xả bỏ các mong cầu, chẳng suy nghĩ ướ trước, xa lìa thân hành, khéo được tâm giải thoát, đạt đến tuệ giải thoát hoàn toàn. Việc làm đã làm xong, đơn độc không bè bạn. Đoạn trừ năm pháp là trừ bỏ năm thượng phần kiết sử, đạt quả vị A-la-hán, dứt sạch mọi kiết sử Tu hành sáu pháp vi diệu như nhãn... các tình đối với sắc..., các trần cảnh không còn u buồn, vui thích; cũng không còn mê mờ. Giữ gìn một pháp là trói buộc niệm nơi thân. Nương vào bốn pháp là bốn pháp nương tựa như khát thực v.v... Lại có người nói: Nương vào bốn pháp là Thánh nhân có pháp viễn ly, có pháp thân cận, có pháp trừ diệt, có pháp nhẫn thọ. Vì trì giới thanh tịnh nên thấu đạt thật tướng, gọi là lìa xa để giả. Đoạn trừ mọi kiến, gọi là đạt đến quả thứ nhất. Xả bỏ mọi mong cầu là cầu dục, cầu hữu và cầu phạm hạnh cầu, thì đạt đến quả thứ nhất. Nên biết rằng các pháp hữu vi đều hư dối, phải bỏ ba món cầu, để được kim cương Tam muội, rồi mới từ bỏ việc học đạo, bấy giờ, mới gọi là bỏ được mọi thứ mong cầu. Chẳng suy nghĩ ướ trước là diệt trừ được sáu thứ giác, thì tâm mới được thanh tịnh, có thể làm mỏng dần ba độc, để đạt đến quả thứ hai. Diệt trừ tham ưu chứng được quả thứ ba, gọi là chẳng suy nghĩ ướ trước. Ly thân hành là trừ bỏ ràng buộc của cõi Dục, để đạt đến thiền thứ tư, nên gọi là ly thân hành. Chứng đắc tận trí, nên gọi là khéo đạt được tâm giải thoát. Chứng được trí vô sinh nên gọi là khéo đạt được tuệ giải thoát. Các Thánh nhân tâm an trú trong mười xứ này, nên gọi là Thánh xứ. Việc làm theo pháp Phật ắt phải hết khổ, nên gọi là việc làm đã xong, xa lìa phàm phu và bậc bậc Học nên gọi là không bạn bè. Tâm

lixa các pháp, an trú rốt ráo nơi “không”, nên gọi là đơn độc. Mười hai nhân duyên: Vô minh là tùy thuận tâm giả danh, do tâm điên đảo này có khả năng gom chứa các nghiệp. Vì vậy gọi là Vô minh duyên Hành. Vì thức theo nghiệp, nên thọ nhận có thân, gọi là Hành duyên Thức. Sau khi thọ thân gọi là Danh sắc, lục nhập, xúc, thọ. Các chi phần này tùy theo thời mà tăng trưởng dần dần. Khi lãnh nhận các thọ, do dựa vào giả danh, nên phát sinh tham ái. Bởi ái sinh ra mọi phiền não, nên gọi là Thủ. Ái, Thủ làm nhân duyên cho Hữu, nên gọi là ba chi phần. Từ các nghiệp nhân duyên phiền não này, mà sinh ra trong đời sau. Từ nhân duyên sinh, mà có Lão tử (già chết)... Trong đấy, nói Vô minh và các hành nghiệp, là nói rõ có đời quá khứ, để đoạn trừ thường kiến. Biết rõ từ vô thủy, qua lại trong sinh tử, do nghiệp phiền não làm nhân duyên, mà thọ nhận thân này. Nếu nói sinh tử, tức nói rõ có đời vị lai, để đoạn trừ đoạn kiến. Nếu không được trí chân thật, tức là sinh tử vô cùng, toàn là có quả khổ. Nếu nói chặng giữa của tám chi phần, là nêu rõ pháp hiện tại; chỉ do các duyên nối nhau mà sinh, chứ không thật có. Ở đây, Vô minh và các hành là nhân duyên đời trước. Kết quả của nhân duyên này là Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ. Từ năm chi phần này, mới sinh khởi Ái, Thủ, Hữu là nhân đời vị lai. Kết quả của nhân duyên này là sinh Lão tử. Nếu lãnh nhận các Thọ, thì trở lại sinh Ái, Thủ. Vì vậy, mười hai chi phần này luân chuyển mãi mãi. Đạt được trí chân thật, thì chẳng nhóm họp các nghiệp. Các nghiệp chẳng tập họp, thì không có Sinh. Sinh gọi là bắt đầu khởi thành. Nếu người nào học tập chánh luận này, thì biết các pháp tự tướng đều “không” nên không tích tập các nghiệp. Khi không tích tập các nghiệp, tức không có sinh, không sinh nên Lão, tử, ưu, bi, khổ, não, đều diệt hết. Vì thế sẽ tự lợi và lợi người, tất cả chúng sinh dần dần thành Phật đạo. Người muốn phát triển pháp này và diệt trừ các pháp khác, thì nên học tập luận này.
